TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 21-5-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông K'Bar và ông Phạm Xuân Đức.
- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Trần Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2018 về "*Tranh chấp quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2019/QĐXXST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Sùng Seo D; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn B; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị X – Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Thanh H thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Chớ Thị D1; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Chớ Thị D1: Ông Lưu Văn B; địa chỉ: Thôn 10C, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- Bà Chố Thị D2; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Chố Thị D2: Ông Ma Seo N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã Đ: Ông Nguyễn Xuân D3; là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

- Anh Trần Đức M; địa chỉ: Tổ dân phố 8, thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người làm chứng:

- Ông Ma Seo Th; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Ông Kháng A Ch; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Ông Kháng A Ch1; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Ông Giàng A D4; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.
- Ông Ma A S; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người phiên dịch cho ông Kháng A Ch, ông Kháng A Ch1, ông Giàng A D4, ông Ma A S: Ông Kháng A N; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- Ông Sùng Seo C; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người phiên dịch cho ông Sùng Seo C: Ông Lý A T; địa chỉ: Thôn 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Sùng Seo D và đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Văn B trình bày: Ông Sùng Seo D tranh chấp với ông Ma Seo N 02 lô đất: Lô đất thổ cư diện tích là 613,3m^2 có vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất ông Giàng A Th, phía tây giáp đất ông Kháng A Ch1, phía nam giáp đường đi, phía bắc giáp đất ông Sùng Seo C; thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10, có giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Sùng Seo D và Chớ Thị D1; diện tích đất trên có nguồn gốc do gia đình ông được giao theo diện bố trí tái định cư cho dân di cư vào năm 2001 với chiều dài theo mặt đường là 20m có tứ cận: phía đông giáp đất ông Cư A P; phía tây giáp đất ông Kháng A V, phía nam giáp đường, phía bắc giáp đất rừng; năm 2002 ông Cư A P cho ông phần đất 20m mặt đường của ông P, sau đó ông cho lại ông Kháng A Ch1; ông đổi cho ông Giàng A Th 12m đất mặt đường để lấy lô đất gần đối diện, diện tích đất còn lại là 8m mặt đường và được ông Kháng A Ch1 cho

lại 5m; diện tích đất còn lại của ông là 13m đất mặt đường; khi đo đạc tập trung năm 2013, diện tích đất của ông được đo và đánh số thửa là 44, tờ bản đồ số 10 có diện tích là 613,3m^2; ông và bà D1 được UBND huyện Đ cấp giấy Chứng nhận QSDĐ số BS 300857 ngày 27/11/2013. Vợ chồng ông sử dụng ổn định từ khi được giao đất và đổi đất cho đến khi tranh chấp với ông N; năm 2018, vợ chồng ông cho anh Trần Đức M thuê diện tích 7m x 9m giáp đường để dựng nhà tạm buôn bán; ông N chỉ có lời nói tranh chấp khi cho rằng đất là của ông N, chưa lấn, chiếm đất trên thực tế.

Ngoài ra giữa ông và ông N còn tranh chấp với nhau lô đất rẫy ở cùng thôn 1, xã Đ có diện tích khoảng 25.000m^2, trong đó có khoảng 9000m^2 ông đã trồng cây cà phê, có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Kháng A Ch1 và ông Thào A N1, phía tây giáp đất ông Giàng A S, phía nam giáp đất ông Ma Seo N, phía bắc giáp đất ông Vàng A V; nguồn gốc đất do ông khai hoang năm 2003, khi khai hoang có ông Kháng A Ch, ông Kháng A Ch1, ông Sùng Seo C cùng tham gia phát dọn với hình thức đổi công. Năm 2007, ông trồng 1200 cây cà phê trên phần đất giáp với đất ông Ma Seo N; diện tích đất trống phía trên chưa sử dụng ông trồng lúa và mì; gia đình ông canh tác ổn định đến tháng 9/2016 thì ông N ngăn cản không cho chăm sóc và thu hoạch cà phê; sau khi ông thu hoạch vụ mùa cà phê năm 2017, ông N lấn chiếm diện tích đất trống còn lại, thuê máy múc ủi đường trên diện tích đất trống; diện tích đất ông đã trồng cà phê là 9.698,8m^2; diện tích đất trống là 17.315m^2. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu ông N phải trả lại cho ông hai lô đất nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông N thể hiện ý kiến về việc không tranh chấp đối với diện tích đất thổ cư 613,3m^2 và diện tích đất rẫy 9.698,8m^2 đã trồng cà phê nên ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với các diện tích đất này; tại phiên tòa ông D rút yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 65.242.092 đồng, bao gồm các khoản bồi thường 4.800.000 đồng tiền công thu nhập ông bị mất trong 22 ngày tham gia giải quyết tranh chấp trước khi khởi kiện; tiền gửi đơn thư 442.092 đồng; vườn cà phê bị xuống cấp do ông N ngăn cản không cho chăm sóc gây thiệt hại 60.000.000 đồng. Hiện nay ông D chỉ yêu cầu ông N phải trả lại diện tích đất trống là 17.315m^2 theo sơ đồ đo đạc.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn, đại diện hợp pháp của bà Chố Thị D2 là ông Ma Seo N trình bày: Nguồn gốc diện tích đất 613,3m^2 là do vợ chồng ông mua của ông Cư A P vào năm 2003; năm 2004, thôn trưởng (ông Kháng A N) có yêu cầu ông trả lại đất cho nhà nước nên vợ chồng tôi đã tháo dỡ nhà trả lại đất, sau đó ông D đến lấn chiếm sử dụng; ông có nói với ông D diện tích đất trên có nguồn gốc do ông mua của ông P nhưng chưa có tranh chấp trên thực tế với ông D, hiện nay không còn tranh chấp với ông D về diện tích đất này, ông D có quyền

sử dụng đất theo giấy chứng nhận QSDĐ được cấp.

Đối với diện tích đất rẫy 27.011,8m^2 có tứ cận: phía đông giáp đất ông Kháng A Ch1 và ông Thào A N1; phía tây giáp đất ông Giàng A S; phía nam giáp đất ông Ma Seo N; phía bắc giáp đất ông Vàng A V; nguồn gốc đất là do ông mua của ông Thào A P từ năm 2001, diện tích mua từ phần đất sinh đến giáp đất ông V, sau đó ông trồng cà phê trên phần đất giáp sinh, còn phía trên ông phát dọn và trồng lúa, ông không có tài liệu chứng cứ, chứng minh việc mua đất và khai hoang đất từ năm 2001; đến năm 2003 ông D đến chiếm đất và trồng cà phê trên phần đất giáp đất ông trồng cà phê. Đối với diện tích ông D đã trồng cà phê hiện nay ông đồng ý để cho ông D sử dụng và không có tranh chấp; đối với phần đất trống 17.315m^2 theo sơ đồ đo đạc từ hết vườn cà phê ông D đến giáp đất ông V thì ông không đồng ý trả lại cho ông D; trên phần đất trống ông đã ủi đường để thuận tiện cho việc vận chuyển trên đất; ông D rút một phần yêu cầu khởi kiện ông không có ý kiến và không đồng ý trả lại phần đất trống cho ông D.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Đức M trình bày: Ngày 05/6/2018 anh có thuê của ông D diện tích đất 7m x 9m thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 và dựng nhà tạm bằng sắt trên đất để kinh doanh buôn bán; thời hạn thuê đất là 03 năm; việc tranh chấp đất giữa ông D và ông N anh không có ý kiến hay yêu cầu gì; anh chỉ có nguyện vọng được tiếp tục thuê đất cho đến khi hết hạn hợp đồng.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện hợp pháp của UBND xã Đ là ông Nguyễn Xuân D3 trình bày: Thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 có diện tích 613,3m^2 tọa lạc tại thôn 1, xã Đ đã được UBND tỉnh Đắk Nông thu hồi và giao cho địa phương quản lý theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 21/4/2008; thửa đất nằm trong khu dân cư, đã được đo đạc, đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận QSDĐ nên đề nghị HĐXX giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất rẫy tranh chấp giữa ông D và ông N 17.315m^2 có nguồn gốc do Xí nghiệp L quản lý, năm 2008 diện tích đất trên được thu hồi cùng với các diện tích khác giao cho UBND xã Đ quản lý theo Quyết định số 535/QĐ-UBND ngày 21/4/2008. Theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thì diện tích đất tranh chấp nêu trên thuộc quy hoạch là đất rừng sản xuất, chưa được đo đạc giải thửa; việc các đương sự lấn chiếm đất rừng và sử dụng đất là không hợp pháp và không thuộc trường hợp được cấp giấy Chứng nhận QSDĐ. Vì vậy, đề nghị HĐXX giải quyết tranh chấp giữa các đương sự theo quy định của pháp luật, đồng thời chuyển hồ sơ để điều tra về hành vi hủy hoại rừng của các đương sự.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp 613,3 m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10; diện tích đất ông D đã trồng cà

phê là 9.698,8m^2 và phần bồi thường thiệt hại nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với phần này. Đối với diện tích đất trống 17.315m^2 theo sơ đồ đo đạc được quy hoạch là đất rừng sản xuất, các đương sự không được phép sử dụng khi chưa có quyết định của Cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, trường hợp trên diện tích đất tranh chấp có tài sản do ông D tạo lập thì đề nghị tạm giao cho ông D được sử dụng phần diện tích đất có tài sản đó. Trường hợp ông D phải chịu án phí đối với vụ án đề nghị HĐXX xem xét miễn giảm án phí cho ông D.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp 613,3 m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 và diện tích đất ông D đã trồng cà phê là 9.698,8m^2 và phần bồi thường thiệt hại 65.242.092 đồng nên đề nghị HĐXX giải quyết yêu cầu này theo quy định của pháp luật. Đối với diện tích đất trống 17.315m^2 theo sơ đồ đo đạc được quy hoạch là đất rừng sản xuất do UBND xã Đắk Som quản lý; các đương sự không được pháp luật công nhận quyền sử dụng đất nên không có căn cứ tạm giao đất theo yêu cầu của phía nguyên đơn; ông D chưa được công nhận quyền sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp nên ông D không có quyền khởi kiện, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 166 BLDS; Điều 26, Điều 35, Điều 186, Điều 192 BLTTDS; Điều 202, Điều 203 Luật đất đai năm 2013 bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị xem xét giảm án phí cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đã thực hiện cơ bản đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên họp và phiên hòa giải. Về giải quyết yêu cầu của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất tranh chấp 613,3 m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10; diện tích đất ông D đã trồng cà phê là 9.698,8m^2 và yêu cầu bồi thường 65.242.092 đồng nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với phần này. Đối với diện tích đất trống 17.315m^2 theo sơ đồ đo đạc được quy hoạch là đất rừng sản xuất nên đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn chấm dứt hành vi chiếm đất và bồi thường thiệt hại nên tranh chấp giữa các đương sự là "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*" theo quy định tại khoản 6 và

khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại thôn 1, xã Đắk Som, huyện Đắk Glong nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập.

[2]. Về quyền khởi kiện của nguyên đơn đối với 17.315m^2 đất trống: Theo các tài liệu Chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của người làm Chứng tại phiên tòa thể hiện ông Sùng Seo D phát dọn và sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp từ năm 2003, việc ông N ủi đường và sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông D nên ông D có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của BLTTDS.

[3]. Đối với diện tích đất tranh chấp 613,3 m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 ; diện tích đất ông D đã trồng cà phê là 9.698,8m^2 và yêu cầu bồi thường đối với số tiền 65.242.092 đồng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông D đã rút yêu cầu khởi kiện đối với các yêu cầu trên, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Vì vậy, cần đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Diện tích đất tranh chấp 17.315m^2 giữa các đương sự: Theo đơn khởi kiện và kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định diện tích đất tranh chấp là 17.315m^2 có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Kháng A Ch và ông Thào A N, phía tây giáp đất ông Giàng A S, phía nam giáp đất ông Sùng Seo D (phần đất trồng cà phê), phía bắc giáp đất ông Vàng A V. Trên đất ông Ma Seo N đã ủi 3 nhánh đường đi với diện tích 1.391m^2.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với diện tích đất tranh chấp 17.315m^2 thấy rằng: Nguồn gốc đất là đất rừng do Xí nghiệp L quản lý sau đó được thu hồi giao cho UBND xã Đắk Som quản lý. Những người làm Chứng tại phiên tòa đều khẳng định năm 2003 ông Sùng Seo D có khai hoang và trồng lúa trên diện tích đất tranh chấp; ông Ma Seo N cũng công nhận năm 2003 ông D có phát dọn trên đất tranh chấp và có lời nói ngăn cản không cho canh tác sử dụng, tuy nhiên ông N không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Theo cung cấp của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ tại biên bản xác minh ngày 07/5/2019 thể hiện diện tích đất tranh chấp được quy hoạch là đất rừng sản xuất theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, các đương sự đang sử dụng đất tranh chấp không phù hợp với quy hoạch nên không được cấp giấy chứng nhận QSDĐ; việc các đương sự sử dụng diện tích đất tranh chấp là không hợp pháp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trên diện tích đất trống tranh chấp ông D xác định ông không tạo lập tài sản trên đất nên không có căn giao tài sản trên đất cho ông D.

[6]. Đối với đề nghị của đại diện UBND xã Đ về việc chuyển hồ sơ để điều tra về hành vi hủy hoại rừng của các đương sự trên phần đất tranh chấp. Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án không đủ căn cứ xác định yếu tố cấu thành tội phạm nên đề nghị chuyển hồ sơ là không phù hợp; UBND xã Đ có quyền thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản) là 10.428.500 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của ông Sùng Seo D không được chấp nhận nên ông D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, được trừ vào số tiền 10.428.500 đồng ông D đã nộp.

[6]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Sùng Seo D không được chấp nhận nên ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đối với tranh chấp quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, ông D thuộc diện hộ nghèo và là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên ông D được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 219; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 12, khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Sùng Seo D đối với diện tích đất tranh chấp 613,3m^2 thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 10 và 9.698,8m^2 có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Kháng A Ch và ông Thào A N, phía tây giáp đất ông Giàng A S, phía nam giáp đất trống (phần đất có tranh chấp), phía bắc giáp đất ông Ma Seo N.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Sùng Seo D đối với số tiền 65.242.092 (*sáu mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn không trăm chín mươi hai*) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Sùng Seo D về việc buộc ông Ma Seo N chấm dứt hành vi chiếm đất, trả lại đất đối với diện tích đất 17.315m^2 có tứ cận: Phía đông giáp đất ông Kháng A Ch và ông Thào A N, phía tây giáp đất ông Giàng A Sù, phía nam giáp đất ông Sùng Seo D (phần đất trồng cà phê), phía bắc giáp đất ông Vàng A Vảng. Có sơ đồ kèm theo.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Sùng Seo D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 10.428.500 (*mười triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm*) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp.

4. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Sùng Seo D.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân